

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2021/DS-ST**.

Ngày: 23 – 7 – 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp  
đồng dân sự vay tài sản và  
tranh chấp về hui*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hạ Hải Hồ.

*Các hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Thông Phi.

2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST – DS ngày 19/01/2021; về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hui”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 41/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tú Tr, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 6, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 6, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trần Thị Tú Trinh).

- Ông Trần Tiến D, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – bà Trần Thị Tú Tr trình bày:*

Bà Trần Thị Tú Tr khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng chị Bùi Thị Th, anh Trần Tiến D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Tr tổng số tiền là **181.000.000 đồng**, không yêu cầu tính lãi; trong đó có 81.000.000 đồng tiền hui và 100.000.000 đồng tiền vay gốc. Bởi vì: Ngày 15/5/2018 âm lịch, bà Tr tham gia tổ hui 3.000.000 đồng do bà Th làm chủ; bà Tr tham gia một phần hui, đã góp được 18 kỳ, tương ứng số tiền 43.200.000 đồng. Tiếp đến ngày 15/7/2018 âm lịch, bà Tr tham gia tổ hui 3.000.000 đồng, đã góp được 16 kỳ, tương ứng số tiền 38.400.000 đồng. Ngoài tiền hui ra thì ngày 26/5/2019 âm lịch vợ chồng bà Th còn vay của bà Tr 100.000.000 đồng. Quá trình đóng tiền hui và vay tiền thì bà Th đều có sổ theo dõi và viết giấy vay tiền giao bên bà Tr cất giữ. Sau đó bà Th tuyên bố vỡ hui, không còn khả năng thanh toán tiền hui và vay nên bà Tr mới khởi kiện.

*[2]. Bị đơn – bà Bùi Thị Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trần Tiến D: Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện vợ chồng bà Th, ông D có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Tuy nhiên, bà Th và ông D thường đi làm ăn xa, hiện tại không có mặt ở địa phương. Mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Th, ông D vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.*

*[3]. Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Q không tham gia tố tụng mà ủy quyền bằng văn bản cho bà Trần Thị Tú Tr đại diện tham gia tố tụng.*

*[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Sổ theo dõi đóng tiền hui và giấy vay tiền, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy ủy quyền.

- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của bà Tr và kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

*[5]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các

văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị Tú Tr, ông Nguyễn Văn Q số tiền 181.000.000 đồng. Buộc vợ chồng bà Th, ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị Tú Tr, bị đơn – bà Bùi Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Q, ông Trần Tiến D đều vắng mặt. Trong đó, bà Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Quang đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trinh; riêng bà Th, ông D vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ việc chơi hụi và vay tài sản. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi*” là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Thể hiện yêu cầu khởi kiện tại các bút lục số 12, 20, 21, 29 và đơn xin xét xử vắng mặt có tại hồ sơ; Nguyên đơn – bà Trần Thị Tú Tr yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Thủy, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Tr tổng số tiền là

181.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Tr đã cung cấp tài liệu là sổ ghi theo dõi việc đóng tiền hụi hàng tháng và giấy vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Thủy.

Về phía bị đơn – bà Bùi Thị Th và ông Trần Tiến D, quá trình tố tụng đã được Tòa án thông báo hợp lệ việc bà Trần Thị Tú Tr khởi kiện đối với vợ chồng bà Thủy, ông D nhưng đương sự vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Tú Tr đã yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết và chữ ký của bà Th trong các tài liệu, chứng cứ mà bà Tr đã cung cấp. Tại Kết luận giám định số 436/KLGD-PC09, ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận đã xác định: *“Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A 1, A 2, A 3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Th trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng một người viết”*.

Như vậy, từ lời trình bày của đương sự, theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả giám định chữ viết, chữ ký của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định hiện nay vợ chồng bà Bùi Thị Thủy, ông Trần Tiến D có thiếu vợ chồng bà Trần Thị Tú Tr tổng số tiền là 181.000.000 đồng, trong đó có 81.000.000 đồng tiền hụi và 100.000.000 đồng tiền vay gốc. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Tr đối với vợ chồng bà Thủy, ông Dũng là có căn cứ, được chấp nhận. Theo đó cần buộc vợ chồng bà Th, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Tr, ông Q số tiền **181.000.000 đồng** còn thiếu là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Tú Tr không yêu cầu tính lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[4] Về chi phí giám định chữ viết:* Kết quả giám định đã xác định đối tượng cần giám định là chữ viết của bà Bùi Thị Th, kết luận này được Hội đồng xét xử dùng làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó cần buộc bà Th phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; cần buộc bà Th phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Tr số tiền 3.060.000 đồng chi phí giám định là phù hợp.

*[5] Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tú Tr được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Thủy, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị Tú Tr, ông Nguyễn Văn

Q số tiền 181.000.000 đồng; vợ chồng bà Th ông D phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 160, 161, 162, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Tú Tr. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị Tú Tr, ông Nguyễn Văn Q số tiền **181.000.000 đồng**. Chia phần bà Th, ông D mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Tr, ông Q số tiền 90.500.000 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Th phải chịu chi phí giám định chữ viết. Buộc bà Th phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị Tú Tr số tiền **3.060.000 đồng** chi phí giám định.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th và ông Trần Tiến D phải nộp 9.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Tú Tr số tiền 4.525.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 0004570, ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành*

*án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hạ Hải Hồ**